| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 04/2018/KDTM-ST
Ngày 12-11-2018
V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Vũ Thị Thu Hà

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trần Đăng Khoa

Bà Vũ Thị Minh Nguyệt

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Văn Hấn, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa***: Bà Phạm Thị Hồng Thúy, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2017/TLST-KDTM ngày 16 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp về hợp đồng dịch vụ logistics (thủ tục tạm nhập, tái xuất) theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 803/2018/QĐST-KDTM ngày 24 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 3234/2018/QĐST-KDTM ngày 19 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty TNHH Thương mại và Tiếp vận Quốc tế D (trước đây là Công ty TNHH V - viết tắt là Công ty DV); địa chỉ trụ sở: Số X đường L, quận N, thành phố Hải Phòng;

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Bà Phạm Thị X - Phó Giám đốc kinh doanh, Công ty TNHH Thương mại và Tiếp vận Quốc tế D và bà Nguyễn Thị N, là Luật sư - Công ty Luật TNHH MTV Nguyễn Thị N, Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng (theo Giấy ủy quyền ngày 05 tháng 9 năm 2018); bà X và bà N cùng có mặt.

*Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn:* Bà Hoàng Thị Diễm P, là Luật sư - Công ty TNHH H, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

- *Bị đơn:* Công ty TNHH Sản xuất Thương mại HT (viết tắt là Công ty H); địa chỉ trụ sở: Số X phường T, quận H, thành phố Hải Phòng;

*Người đại diện hợp pháp của bị đơn*: Ông Nguyễn Thế U, Phó Phòng Xuất nhập Khẩu - Công ty TNHH Sản xuất Thương mại HT (theo Giấy ủy quyền ngày 15 tháng 10 năm 2018); có mặt.

*Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Ông Trịnh Khắc T và ông Trịnh Văn N, cùng là Luật sư - Công ty Luật TNHH Trịnh Khắc T, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng; ông T vắng mặt, ông N có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu M (viết tắt là Công ty M); địa chỉ trụ sở: Lô X đường T, khu công nghiệp B, thành phố L, tỉnh Lào Cai;

*Người đại diện hợp pháp:* Bà Nguyễn Tuyết L, Giám đốc là người đại diện theo pháp luật; vắng mặt.

2. Ông Lý Chường T; địa chỉ cư trú: Số X Tổ Y phường D, thành phố L, tỉnh Lào Cai; vắng mặt.

3. Công ty TNHH Tiếp vận Quốc tế Đ (gọi tắt là Công ty Đ); địa chỉ trụ sở: Số X đường L, quận N, thành phố Hải Phòng;

*Người đại diện hợp pháp*: Ông Đinh Văn H, Giám đốc là người đại diện theo pháp luật; vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện sửa đổi bổ sung, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là Công ty TNHH Thương mại và Tiếp vận Quốc tế D (viết tắt là Công ty DV) trình bày:*

Ngày 08/9/2016, Công ty DV đã ký Hợp đồng dịch vụ số 0809/2016/HĐDV-HT với Công ty TNHH Sản xuất Thương mại HT (viết tắt là Công ty H) về việc thuê mã số kinh doanh tạm nhập tái xuất hàng đông lạnh và đóng thay các khoản chi phí phát sinh, ký phụ lục Hợp đồng dịch vụ số 0809A/2006/HĐDV-HT ngày 08/9/2016 quy định cụ thể về các loại phí. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty DV đã có lô hàng gồm 23 container hàng đông lạnh để thực hiện tái xuất gồm dạ bò, gân bò, thịt bò, chân gà…, Công ty H đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trong hợp đồng. Cụ thể, Công ty H đã mở các tờ khai để tái xuất lô hàng, nhưng ngày 18/9/2017 Công ty H đã tạm dừng thực hiện hợp đồng và gửi Công văn số 96/2017/CV-HT 18/9/2017 tới Chi cục Hải quan cửa khẩu Móng Cái về việc giữ hàng tại cửa khẩu không vận chuyển lô hàng để tái xuất theo tờ khai. Việc Công ty H vi phạm Hợp đồng đã gây nhiều thiệt hại cho Công ty DV. Cụ thể là lô hàng đông lạnh đã có nhiều kiện hàng trong một số container có hiện

tượng rã đông, hư hỏng; tiền lưu kho, tiền điện phát sinh của lô hàng ngày càng lớn, các thiệt hại khác…Tổng các thiệt hại do Công ty H vi phạm Hợp đồng gây ra cho Công ty DV từ khi tạm dừng Hợp đồng đến nay gần 01 tỷ đồng. Do đó, Công ty DV khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

1. Buộc Công ty H tiếp tục thực hiện Hợp đồng dịch vụ số 0809/2016/HDDV-HT ngày 08/9/2016 và Phụ lục Hợp đồng dịch vụ số 0809A/2006/HĐDV-HT 08/9/2016;

2. Buộc Công ty H phải bồi thường các thiệt hại đã gây ra cho Công ty DV do vi phạm Hợp đồng với số tiền 01 tỷ đồng.

Kèm theo đơn khởi kiện, Công ty DV đã nộp cho Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng Đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đề ngày 09/10/2017 của Công ty DV và các tài liệu chứng cứ kèm theo gồm: Hợp đồng dịch vụ số 0809/2016/HĐDV-HT ngày 08/9/2016 và Phụ lục Hợp đồng dịch vụ số 0809A/2006 ngày 08-9-2016 ký kết giữa Công ty H với Công ty TNHH V (nay là Công ty TNHH Thương mại và Tiếp vận Quốc tế D); Các vận đơn số LSLH1700117KHGHPH, LSLH1700116KHGHPH, LSLH1700115KHGHPH, LSLH1700106KHGHPH; Biên bản đối chiếu công nợ ngày 05/9/2017 giữa ông Lý Chường T với Công ty TNHH Thương mại và Tiếp vận Quốc tế D về việc thỏa thuận thanh toán công nợ và một số tài liệu, chứng cứ khác có liên quan.

*Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày*:

Giữa Công ty H và Công ty DV đã nhiều lần ký kết hợp đồng để thực hiện việc thuê mã tạm nhập, tái xuất. Đối với lô hàng 23 container, ngày 08/9/2016, Công ty H và Công ty DV có ký kết Hợp đồng dịch vụ và phụ lục Hợp đồng về thuê mã thủ tục tạm nhập, tái xuất. Cụ thể nội dung công việc thì Công ty DV chuyển vận đơn, lệnh thư điện tử cho Công ty H, còn lại Công ty H truyền tờ khai Hải quan qua mạng cho Hải quan. Còn thủ tục tiếp theo thì Công ty H gửi dấu của Công ty đóng sẵn trên giấy A4 để cho Công ty DV trực tiếp làm thủ tục tái xuất. Ngày 06/9/2017, Công ty H nhận được Giấy đề nghị đề ngày 05/9/2017 của Công ty M do bà Nguyễn Tuyết L ký đề nghị Công ty H sang làm trung gian để xác nhận hồ sơ hợp lệ của 23 container. Tại buổi làm việc tại Công ty DV, ngày 06/9/2017, có mặt của Công ty H do bà Nguyễn Thanh V và ông Nguyễn Thế U, nhân viên xuất nhập khẩu của Công ty đại diện; Công ty M do ông Nguyễn Công Liên, Phó Giám đốc Công ty; Công ty DV có ông Phạm Nhật T, Phó Giám đốc Công ty V (nay là Công ty DV), Công ty M cung cấp cho Công ty H hồ sơ chốt công nợ giữa Công ty M và Công ty DV. Ngày 15/9/2017, Công ty H nhận được Văn bản của Công ty M đề nghị Công ty H tạm dừng thủ tục tái xuất do có tranh chấp giữa Công ty M và Công ty DV. Ngày 18/9/2017, Công ty H gửi cho Hải quan cửa khẩu

Móng Cái yêu cầu tạm dừng thủ tục tái xuất để Công ty DV và Công ty M làm việc và thống nhất với nhau. Khi nào mà thống nhất được thì Công ty H sẽ thực hiện thủ tục tái xuất sau đó Công ty H có Thông báo bằng điện thoại cho ông Tĩnh và gửi thư điện tử cho Công ty DV.

Ngày 09/10/2017, Công ty DV, địa chỉ: Phòng X Tòa nhà H có đơn khởi kiện Công ty H. Trong đơn ghi mã số thuế không phải của Công ty TNHH Thương mại và Tiếp vận Quốc tế D mà là mã số thuế của Công ty TNHH Tiếp vận Quốc tế Đ, có địa chỉ tại: Phòng Y Tòa nhà H. Công ty H thống nhất với Công ty DV có ký kết Hợp đồng dịch vụ số 0809/2016. Nhưng khi ký văn bản hợp đồng thì người ký là phó giám đốc Công ty mà không được sự ủy quyền của Giám đốc Công ty H. Phía Công ty Đ không có chữ ký trong bản hợp đồng. Phần đầu của Hợp đồng có nói ủy quyền cho Công ty TNHH V (sau này là Công ty TNHH Thương mại và Tiếp vận Quốc tế D) nhưng bản hợp đồng này cũng chỉ do Phó Giám đốc Công ty V ký và không có văn bản ủy quyền của Công ty Đ cho Công ty V được thay mặt mình ký hợp đồng. Trong khi đó ông Đinh Văn H - Giám đốc Công ty Đ đã có văn bản khẳng định không ủy quyền cho Công ty V. Tài liệu trong hồ sơ vụ kiện đã xác định được chủ hàng của lô hàng này là CÔNG TY K, địa chỉ: Hồng Kông. Trong các vận đơn đều ghi người nhận hàng là Công ty Đ có địa chỉ tại: Phòng Y Tòa nhà H. Theo xác nhận của chủ hàng thì toàn bộ lô hàng 23 container đông lạnh, chủ hàng đã ủy thác cho Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu M, có địa chỉ: Lô X đường T, khu công nghiệp B, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Sau này Công ty M yêu cầu chủ hàng chuyển hàng đến Công ty TNHH Tiếp vận Quốc tế Đ, ở số Y Tòa nhà H làm thủ tục tạm nhập tái xuất. Ngày 31/10/2017, chủ hàng Công ty K có văn bản yêu cầu Công ty Đ và Công ty H chuyển hàng trả lại Hồng Kông cho chủ hàng. Ngày 02/11/2017, Công ty Công ty K đã có văn bản gửi cho Chính Phủ, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng và các cơ quan khác của Việt Nam yêu cầu giao lô hàng này cho Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu M do ông Lý Chường T là chủ doanh nghiệp. Văn bản này và các văn bản khác kèm theo đã được ủy quyền công chứng tại Hồng Kông. Công ty đề nghị Quý Tòa sớm có phán quyết, trả lại toàn bộ lô hàng này cho Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu là đơn vị được chủ hàng ủy quyền.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH Tiếp vận Quốc tế Đ, trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:*

Công ty không biết và không ủy quyền cho Công ty DV ký Hợp đồng dịch vụ số 0809/2016/HĐDV-HT ngày 08/9/2016 và phụ lục Hợp đồng số 0809A/2006 ngày 08/9/2016. Quá trình ký kết và thực hiện hợp đồng nêu trên là quan hệ giữa Công ty H và Công ty TNHH V, Công ty Đ không liên quan. Đối với lô hàng 23 container trong vụ án này thì Công ty Đ thực hiện chức năng là chuyên chở, cụ thể là thực hiện dịch vụ đại lý giao nhận vận tải và có thực hiện việc chở lô hàng này

theo yêu cầu của chị X và anh B là chồng chị X. Chi phí dịch vụ đại lý do anh B và chị X trả cho Công ty Đ bằng tiền mặt giá trị 400.000đồng/01 vận đơn. Đối với lô hàng 23 container anh B, chị X đã chi trả cho Công ty Đ xong chi phí dịch vụ đại lý. Giữa Công ty Đ với Công ty H chỉ liên hệ qua điện thoại khi Công ty H hỏi thông tin lô hàng về cảng, về lệnh giao hàng có hay chưa chứ giữa Công ty Đ với Công ty H không có giao dịch gì về việc ký Hợp đồng dịch vụ hay bất cứ hợp đồng nào khác. Công ty Đ chỉ làm đại lý giao nhận hàng từ khi về Cảng Hải Phòng đến người nhận hàng là Công ty H. Sau khi Công ty Cổ phần Đầu tư Sakura chuyển cho Công ty Đ lệnh giao hàng. Công ty Đ phát lệnh giao hàng nối cho Công ty H. Sau đó Công ty H cầm hai lệnh giao hàng này ra Cảng Hải Phòng lấy hàng. Công ty không nắm được người thuê vận chuyển cũng như người phải trả chi phí vận chuyển, còn theo vận đơn thể hiện do Công ty S vận chuyển. Việc Công ty H, Công ty DV ghi tên của Công ty Đ trên bản Hợp đồng là không đúng nhưng chưa gây thiệt hại cho Công ty Đ cũng như việc Công ty DV sử dụng mã số thuế của Công ty Đ là không đúng nhưng chưa gây thiệt hại cho Công ty Đ nên Công ty Đ không yêu cầu Công ty DV phải bồi thường bất kỳ khoản tiền gì.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lý Chường T, trong quá trình giải quyết vụ án trình bày*:

Giữa ông T và cá nhân chị Phạm Thị X đã có quan hệ làm ăn từ năm 2015, đều thực hiện trao đổi qua điện thoại và thư điện tử, chị X sẽ thực hiện theo yêu cầu của ông T về nơi xuất và mọi thủ tục hồ sơ do chị X thực hiện. Đối với lô hàng 23 container thì Công ty DV là đơn vị làm dịch vụ được ông T chỉ định, chứ không phải chủ hàng. Ông T với tư cách cá nhân thay mặt chủ hàng Hồng Kông chuyển hàng đến Việt Nam và lựa chọn đơn vị Việt Nam làm thủ tục tái xuất, có văn bản ủy thác của chủ hàng Hồng Kông cho ông T từ tháng 12/2016, còn các thủ tục ở Việt Nam hoàn toàn do Công ty DV tự làm, ông T cũng như Công ty M không được biết. Ông T trực tiếp làm việc với chị Phạm Thị X liên quan đến lô hàng này, còn đối với Công ty M do chị X thực hiện giao dịch thanh toán chuyển cho Công ty M nên ông T đề nghị đưa Công ty M và cả cá nhân ông T vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Khi có lô hàng cần làm thủ tục tạm nhập tái xuất tại Việt Nam, bên Hồng Kông và Trung Quốc liên hệ cho ông T với tư cách cá nhân. Do Công ty M không có chức năng tạm nhập, tái xuất nên ông T đã liên hệ bạn bè trong đó có chị X, khi đó bên Hồng Kông ủy quyền cho ông T để làm đại diện chủ hàng tại Việt Nam để thực hiện giao dịch tại Việt Nam. Chị X có giới thiệu Công ty Đ sẽ làm dịch vụ giao nhận và làm dịch vụ hải quan. Sau đó ông T gửi thông tin về người nhận hàng là Công ty Đ cho bên Hồng Kông để làm vận đơn, sau đó bên Hồng Kông gửi vận đơn đồng thời qua hai thư điện tử của ông T và chị X để ông T theo dõi lô hàng, để chị X làm các thủ tục, giấy tờ tạm nhập tái xuất. Trước khi hàng về, bên Hồng Kông thông báo bằng điện thoại cho ông T. Sau đó ông T thông báo cho chị X đã có hàng về để chị X làm thủ tục tạm nhập, tái

xuất. Sau đó khi chuẩn bị cho hàng xuất thì ông T mới biết lô hàng chuyển Công ty Đ cho Công ty H, ông T biết chị X giao dịch với Công ty Đ và Công ty H nhưng không nắm được nội dung cụ thể là giao dịch là gì. Tiền dịch vụ đối với lô hàng này là ông T được hưởng, số tiền này do bên Hồng Kông trả cho ông T, hiện ông T chưa được chi trả bất cứ khoản tiền nào. Đối với việc chốt công nợ, thực chất là khi hàng không tái xuất được sang bên Trung Quốc do bị cấm biên thì hàng phải quay trở lại Hồng Kông, ông T có thỏa thuận với chị X là sẽ trả 200 triệu đồng/1 container khi hàng quay trở lại Hồng Kông, tổng chị X được hưởng là hơn 5 tỷ đồng nên ông T với chị X ký biên bản chốt công nợ. Sau đó chị X không thực hiện việc xuất trở lại Hồng Kông theo sự chỉ định của ông T.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu M trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:*

Công ty đề nghị hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 932/2017/QĐ-ADBPKCTT ngày 25/10/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng và cho phép Công ty M được nhận lại lô hàng 23 container thực phẩm đông lạnh, với lý do: Chủ sở hữu lô hàng là Công ty K, địa chỉ: Phòng 2605B, khu 2 Tòa nhà Quảng Trường giao dịch Hoa Thương, số 338 đường Hoàng Anh, Hồng Kông. Công ty K đã ủy quyền lô hàng nói trên cho Công ty M do ông Lý Chường T làm đại diện.

*Tại phiên toà:*

- Người đại diện theo ủy quyền, Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Công ty DV vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bổ sung yêu cầu và căn cứ chứng minh, cụ thể:

Từ thời điểm 13/9/2017 cho đến nay, trong suốt quá trình vi phạm hợp đồng từ phía Công ty H, quá trình giải quyết khiếu nại áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, quá trình giải quyết tranh chấp và đến thời điểm hiện tại ngày 12/11/2018, Công ty DV đã phải gánh chịu rất nhiều thiệt hại, trong đó có cả thiệt hại về tài sản hiện hữu và thiệt hại liên quan đến uy tín thương mại không thể tính được giá trị...Căn cứ điểm g khoản 1 Điều 97, Điều 104 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Công ty DV đề nghị Tòa án thành lập Hội đồng định giá để định giá toàn bộ thiệt hại mà Công ty DV phải gánh chịu bên bờ vực phá sản với hiện trạng đang đóng cửa và không thể hoạt động kinh doanh do uy tín thương mại đã bị mất.

- Người đại diện theo ủy quyền và Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Do Hợp đồng dịch vụ số 0809/2016/HĐDV-HT ngày 08/9/2016 và Phụ lục Hợp đồng số 0809A/2006 ngày 08/9/2016 hai bên đã thực hiện xong, lô hàng 23 Container đã được tái xuất theo yêu cầu của nguyên đơn nên bị đơn không có ý kiến gì. Về yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải bồi thường thiệt hại nhưng nguyên đơn không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

- Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

+ Tòa án đã xem xét đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời ngày 23/10/2017 của Công ty DV, tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với lô hàng 23 container tại thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh và ngày 25/10/2018 đã ra Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời buộc Công ty H làm thủ tục tái xuất 23 lô hàng thực phẩm đông lạnh theo hợp đồng đã ký kết. Công ty H và Công ty M không đồng ý, có đơn kiến nghị, khiếu nại (đơn Kiến nghị của Công ty H ghi ngày 22/11/2017 và 08/12/2017) đề nghị hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, cho phép Công ty M được nhận lại 23 container hàng do chủ sở hữu là Công ty K, địa chỉ: Hồng Kông đã ủy quyền cho Công ty M do ông T làm đại diện. Chánh án Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã ra Quyết định giải quyết khiếu nại đối với Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 1154 ngày 12/12/2017, nội dung: Giữ nguyên quyết định Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Ngày 19/10/2018, Tòa án đã ra quyết định hủy bỏ việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trên do Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đã được thi hành xong và người người yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là Công ty TNHH Thương mại và Tiếp vận Quốc tế D đề nghị hủy bỏ việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 112 và Điều 138 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Đối với yêu cầu của Công ty DV buộc Công ty H tiếp tục thực hiện Hợp đồng dịch vụ số 0809/2016/ HĐDV-HT và Phụ lục Hợp đồng dịch vụ số 0809A/2016/ HĐDV-HT: Hợp đồng dịch vụ số 0809/HĐDV-HT được ký kết ngày 08/9/2016 về thuê mã số kinh doanh tạm nhập tái xuất hàng đông lạnh và đóng thay các khoản chi phí phát sinh, giữa: Bên A (cung cấp dịch vụ) là Công ty H do bà Nguyễn Thanh V, Phó Giám đốc đại diện với bên B (sử dụng dịch vụ) là Công ty Đ ủy quyền cho Công ty V do ông Phạm Nhật T, Phó Giám đốc đại diện. Phụ lục Hợp đồng số 0809A/2006 được ký kết cùng ngày 08/9/2016 thống nhất về các loại và phí dịch vụ giữa bên A là Công ty H do bà Vũ Thị L, Giám đốc đại diện với bên B... là Công ty V (nay là Công ty TM... Delta) do ông Phạm Nhật T, Phó Giám đốc đại diện. Hợp đồng dịch vụ số 0809/HĐDV-HT và Phụ lục Hợp đồng số 0809A/2006 ngày 08/9/2016 không đủ điều kiện có hiệu lực, bởi lẽ: Hợp đồng không được giao kết, ký kết bởi đại diện của pháp nhân (không do người đại diện theo pháp luật ký kết/ủy quyền ký kết hợp đồng) theo quy định tại Điều 145, 122 Bộ luật dân sự 2005 nay là Điều 85, Điều 117, 142 Bộ luật dân sự 2015. Thực chất

Công ty Đ không có văn bản ủy quyền như nội dung ghi tại hợp đồng và phụ lục hợp đồng. Mặt khác pháp luật dân sự quy định các bên có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng; Hợp đồng và phụ lục hợp đồng nêu trên không phải là thỏa thuận riêng cho việc thực hiện tạm nhập, tái xuất 23 container hàng thực phẩm đông lạnh; tại điểm 5.4 Điều 5 các bên có thỏa thuận: *Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký và có giá trị đến hết ngày* 31/12/2017; bị đơn là Công ty H là bên được thanh toán tiền dịch vụ thuê mã tạm nhập tái xuất hàng không yêu cầu nguyên đơn. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện buộc Công ty H tiếp tục thực hiện Hợp đồng dịch vụ số 0809/2016/ HĐDV-HT và Phụ lục Hợp đồng dịch vụ số 0809A/2016/ HĐDV-HT.

+ Đối với yêu cầu của Công ty DV buộc Công ty H phải bồi thường các thiệt hại đã gây ra do vi phạm hợp đồng với số tiền 1 tỷ đồng: Tại phiên tòa Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn bổ sung yêu cầu Công ty H phải bồi thường thiệt hại về tài sản hiện hữu như chi phí thuê kho, bảo quản hàng, vận chuyển... và uy tín thương mại do vụ việc này đã gây hậu quả làm Công ty DV gặp khó khăn lớn về tài chính, giảm sút uy tín trên thương trường Công ty DV không có chứng từ tài liệu làm căn cứ xác định thiệt hại nên đề nghị Tòa án trưng cầu giám định thiệt hại, Công ty DV sẽ nộp tạm ứng chi phí giám định. Yêu cầu của nguyên đơn bổ sung tại phiên tòa là vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên không xem xét giải quyết. Kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn là Công ty DV chưa thực hiện giao nộp cho Tòa án tài liệu chứng cứ chứng minh cho phần yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản (chi phí thuê kho, bảo quản, vận chuyển.. phát sinh do việc chậm tái xuất hàng) theo quy định tại khoản 4, 5 Điều 189 Bộ luật Tố tụng dân sự. Phần yêu cầu khởi kiện này thuộc trường hợp chưa có đủ điều kiện khởi kiện, quy định tại điểm b khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, bị đơn là Công ty H có đề nghị làm rõ việc Công ty DV sử dụng mã số thuế của Công ty Đ để khởi kiện. Phía nguyên đơn là Công ty DV xác nhận có sai sót, ghi nhầm mã số thuế của Công ty Đ tại đơn khởi kiện. Nguyên đơn có sai sót nhỏ và đã được khắc phục, không ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 5 Điều 30, khoản 1 Điều 35, Điều 37, điểm b khoản 1 Điều 192, điểm g khoản 1 Điều 217, khoản 3 Điều 218 Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng Điều 145, 122 Bộ luật dân sự 2005 nay là Điều 85, Điều 117, 142 Bộ luật dân sự 2015; Điều 233, 234, 235 Luật thương mại; Điều 84 Nghị định 08 ngày 21/1/2015 của Chính Phủ; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH, xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc Công ty H tiếp tục thực hiện Hợp đồng dịch vụ số 0809/2016/ HĐDV-HT và Phụ lục Hợp đồng dịch vụ số 0809A/2016/ HĐDV-HT; đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu buộc Công ty H phải bồi thường các thiệt hại đã gây ra cho Công ty DV do vi phạm hợp đồng; nguyên đơn phải chịu 3.000.000 đồng án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Đây là tranh chấp hợp đồng dịch vụ logistics liên quan hoạt động tạm nhập, tái xuất. Căn cứ khoản 5 Điều 30, Điều 37, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

[2] Về xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Tòa án đã triệu tập hợp lệ hai lần nhưng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Công ty M, ông Lý Chường T, Công ty Đ vắng mặt không có lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

**- Về nội dung vụ án:**

[3] Về thẩm quyền ký kết Hợp đồng dịch vụ số 0809/2016/HĐDV-HT ngày 08/9/2016 và Phụ lục Hợp đồng số 0809A/2006 ngày 08/9/2016 được ký kết giữa Công ty H với Công ty TNHH V (nay là Công ty TNHH Thương mại và Tiếp vận Quốc tế D): Đại diện Công ty DV ký hợp đồng là ông Phạm Nhật T, Phó Giám đốc. Tuy không có văn bản ủy quyền nhưng người đại diện theo pháp luật của Công ty DV thừa nhận đã ủy quyền cho Phạm Nhật T ký hợp đồng này và tại thời điểm Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Công ty DV không khiếu nại về thẩm quyền ký kết hợp đồng. Đại diện Công ty H ký hợp đồng là bà Nguyễn Thanh V, Phó Giám đốc Công ty H không có văn bản ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của Công ty H. Nhưng tại Phụ lục Hợp đồng dịch vụ số 0809A/2006 ngày 08/9/2016 ký kết giữa Công ty H với Công ty TNHH V (nay là Công ty TNHH Thương mại và Tiếp vận Quốc tế D) do bà Vũ Thị L, Giám đốc Công ty, là người đại diện theo pháp luật của Công ty H ký kết. Do đó, bà Liên đã biết việc bà Vân ký hợp đồng và việc bà Liên ký tên vào phụ lục hợp đồng là đã thừa nhận việc ký tên vào hợp đồng của bà Vân. Vì vậy, việc ký kết hợp đồng của hai bên không vi phạm về thẩm quyền.

[4] Về việc ủy quyền ký hợp đồng của Công ty TNHH Tiếp vận Quốc tế Đ cho Công ty TNHH V (nay là Công ty TNHH Thương mại và Tiếp vận Quốc tế D): Ông Đinh Văn H là Giám đốc và là người đại diện theo pháp luật của Công ty Đ đã thừa nhận Công ty Đ chỉ làm dịch vụ giao nhận hàng hải đối với lô hàng này cho Công ty DV, ông Hưng không ủy quyền cho Công ty DV ký hợp đồng. Công ty DV cũng thừa nhận là đưa tên Công ty Đ vào hợp đồng bởi lẽ Công ty Đ đứng tên trên vận đơn, để Công ty Đ phát hành vận đơn thứ cấp và lệnh giao hàng nối cho Công ty H. Ngoài ra, ông H thừa nhận không có quyền đối với lô hàng này mà

chỉ làm dịch vụ giao nhận hàng hải. Do đó, Hợp đồng dịch vụ số 0809/2016/HĐDV-HT và phụ lục số 0809A/2006 ngày 08/9/2016 thực chất ký giữa Công ty TNHH Sản xuất Thương mại HT và Công ty TNHH Thương mại và Tiếp vận Quốc tế D. Công ty TNHH Sản xuất Thương mại HT và Công ty TNHH Thương mại và Tiếp vận Quốc tế D phải thực hiện đúng các cam kết về quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký.

[5] Đối với mã số thuế ghi trong đơn khởi kiện, Công ty DV trình bày do nhầm lẫn trong quá trình soạn thảo đơn khởi kiện, Công ty Đ trình bày việc ghi nhầm mã số thuế đến nay chưa ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty Đ. Trường hợp phát sinh thiệt hại nếu có tranh chấp thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác. Theo Điều 73 Bộ luật Hàng hải Việt Nam quy định: "*Vận đơn là chứng từ vận chuyển làm bằng chứng về việc người vận chuyển đã nhận hàng hóa với số lượng, chủng loại, tình trạng như ghi trong vận đơn để vận chuyển đến nơi trả hàng; bằng chứng về sở hữu hàng hóa để định đoạt, nhận hàng...*". Công ty Đ thừa nhận không có quyền đối với lô hàng và chỉ làm dịch vụ giao nhận hàng hải cho Công ty DV. Do đó, Công ty TNHH Thương mại và Tiếp vận Quốc tế D là người có quyền chỉ định nơi tái xuất lô hàng này.

[6] Về nội dung của Hợp đồng dịch vụ: Giữa Công ty DV và Công ty H ký hợp đồng để thuê mã tạm nhập tái xuất là đúng theo quy định tại Thông tư số 05/2014/TT-BCT ngày 27/01/2014 quy định về hoạt động tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập, chuyển khẩu hàng hóa thì việc thuê mã tạm nhập tái xuất pháp luật không cấm nên Hợp đồng phát sinh hiệu lực buộc các bên trong hợp đồng Công ty H, Công ty DV phải thực hiện hợp đồng. Hiện tại hai bên không tiếp tục thực hiện hợp đồng nhưng chưa giải quyết xong nghĩa vụ theo hợp đồng và phụ lục hợp đồng đã ký kết theo quy định tại điểm 5.4 Điều 5 Hợp đồng dịch vụ số 0809A/2016/HĐDV-HT ngày 08/9/2016. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty DV, buộc Công ty H và Công ty DV phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ phát sinh Hợp đồng dịch vụ số 0809A/2016/HĐDV-HT và Phụ lục Hợp đồng dịch vụ số 0809A/2016/HĐDV-HT.

[7] Xét yêu cầu Công ty H phải bồi thường các thiệt hại đã gây ra cho Công ty DV do vi phạm Hợp đồng dịch vụ số 0809/2016/HĐDV-HT và Phụ lục Hợp đồng dịch vụ số 0809A/2016/HĐDV-HT với số tiền 1 tỷ đồng: Công ty DV đưa ra yêu cầu bồi thường thiệt hại nhưng không xuất trình các tài liệu chứng cứ chứng minh thiệt hại xảy ra. Hơn nữa, Tòa án đã tiến hành thụ thập chứng cứ. Theo Tài liệu do Công ty TNHH Q và Công ty Cổ phần Hợp tác Thương mại A không thể hiện cụ thể Công ty DV phải chịu các chi phí lưu kho bãi đối với lô hàng 23 container này vì Công ty DV không trực tiếp ký hợp đồng lưu kho, không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh đã trả số tiền đó. Tại phiên tòa Công ty DV cũng không xuất trình thêm được tài liệu chứng cứ nào khác và trình bày do

chưa thu thập được đầy đủ tài liệu chứng minh thiệt hại nên chưa yêu cầu Tòa án giải quyết tại phiên tòa. Căn cứ Điều 304 Luật Thương mại quy định: "Bên yêu cầu bồi thường thiệt hại phải chứng minh tổn thất, mức độ tổn thất do hành vi vi phạm gây ra và khoản lợi trực tiếp mà bên bị vi phạm đáng lẽ được hưởng nếu không có hành vi vi phạm", do đó, Hội đồng xét xử xét thấy Công ty DV khởi kiện, có thể hiện có thiệt hại trong quá trình thực hiện Hợp đồng tái xuất nhưng chưa đủ tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình nên yêu cầu khởi kiện này cần được đình chỉ và Công ty DV có quyền khởi kiện lại yêu cầu này nếu còn thời hiệu khởi kiện.

[8] Tại phiên tòa Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn bổ sung yêu cầu Công ty H phải bồi thường thiệt hại về tài sản hiện hữu như chi phí thuê kho, bảo quản hàng, vận chuyển... và uy tín thương mại do vụ việc này đã gây hậu quả làm Công ty DV gặp khó khăn lớn về tài chính, giảm sút uy tín trên thương trường Công ty DV không có chứng từ tài liệu làm căn cứ xác định thiệt hại nên đề nghị Tòa án trưng cầu giám định thiệt hại Công ty DV sẽ nộp tạm ứng chi phí giám định. Xét yêu cầu của nguyên đơn bổ sung tại phiên tòa là vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

[9] Về việc Công ty H, Công ty M, ông Lý Chường T, Chủ tịch HĐQT của Công ty M cho rằng lô hàng thuộc về chủ hàng là Công ty K: Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã có Thông báo về thực hiện thủ tục người liên quan có yêu cầu độc lập gửi cho các đương sự nhưng đến nay, các đương sự đều không có yêu cầu phản tố cũng như yêu cầu độc lập nên Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu này.

[10] Về Quyết định áp dụng biện pháp áp dụng khẩn cấp tạm thời số 932/QĐ-ADBPKCTT ngày 25/10/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng buộc Công ty TNHH Sản xuất Thương mại HT phải tái xuất lô hàng là đúng quy định của pháp luật, phòng ngừa hậu quả buộc phải tiêu hủy lô hàng và tránh các thiệt hại phát sinh cho các doanh nghiệp Việt Nam. Đến nay, Cục Thi hành án thành phố Hải Phòng đã có văn bản số 240/CTHADS ngày 10 tháng 10 năm 2018, với nội dung Quyết định đã thi hành xong. Các đương sự có khiếu nại trong quá trình thực hiện Quyết định nhưng đã có Quyết định giải quyết khiếu nại cuối cùng không chấp nhận khiếu nại của các đương sự. Tại phiên tòa ngày 19/10/1018, người yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là Công ty DV đề nghị hủy biện pháp khẩn cấp tạm thời và giải tỏa tiền đảm bảo theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, do đó Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 932/QĐ-ADBPKCTT ngày 25/10/2017 đã được hủy bỏ và giải tỏa số tiền đảm bảo.

- Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

[11] Nguyên đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện Hội đồng xét xử đã đình chỉ. Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 30, Điều 37, Điều 147, điểm b khoản 1 Điều 192, điểm g khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 85, Điều 117, Điều 142 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 233, 234, 235, 236, 304 Luật Thương mại; Điều 73 Bộ luật Hàng hải; Thông tư số 05/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 01 năm 2014 quy định về hoạt động tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập, chuyển khẩu hàng hóa;

Căn cứ Điều 25, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Thương mại và Tiếp vận Quốc tế D:

1. Buộc Công ty TNHH Sản xuất Thương mại HT và Công ty Thương mại và Tiếp vận quốc tế Delta phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng dịch vụ số 0809A/2016/HĐDV-HT ngày 08 tháng 9 năm 2016 và Phụ lục hợp đồng dịch vụ số 0809A/2006/HĐDV-HT ngày 08 tháng 9 năm 2016.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Thương mại và Tiếp vận Quốc tế D về việc buộc Công ty TNHH Sản xuất Thương mại HT phải bồi thường các thiệt hại đã gây ra cho Công ty TNHH Thương mại và Tiếp vận Quốc tế D do vi phạm Hợp đồng dịch vụ số 0809/2016/HĐDV-HT ngày 08 tháng 9 năm 2016 và Phụ lục Hợp đồng dịch vụ số 0809A/2006/HĐDV-HT ngày 08 tháng 9 năm 2016 với số tiền 01 tỷ đồng.

3. Về án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty TNHH Thương mại và Tiếp vận Quốc tế D không phải nộp tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại số tiền tạm ứng đã nộp 21.000.000 đồng (hai mươi mốt triệu đồng) tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0003941 ngày 16 tháng 10 năm 2017 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

- Công ty TNHH Sản xuất Thương mại HT phải nộp số tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

4. Về quyền kháng cáo:

Công ty TNHH Thương mại và Tiếp vận Quốc tế D và Công ty TNHH Sản xuất Thương mại HT có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Thị Thu Hà**

***Nơi nhận:***
- VKSND TP Hải Phòng;
- THA DS TP Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Thị Thu Hà**

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

**CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN –**
**CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Đăng Khoa** **Vũ Thị Minh Nguyệt**

**Vũ Thị Thu Hà**